

Số: 79/2024/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 14 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Trân- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 137/2024/TLST-VLĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 68/2024/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc lao động:** Bà Trương Thị Q, sinh năm 1991; thường trú: Tổ D, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Trương Thị V, sinh năm 1993; thường trú: Xóm A, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

+ Công ty TNHH C1; địa chỉ: Lô H, Đường Đ, Khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông H-Kuo C, sinh năm 1969; địa chỉ: Lô H, Đường Đ, Khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

+ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 31/5/2024). (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Trương Thị Q trình bày:

Từ tháng 08/2009 đến tháng 09/2009, bà Q có làm việc tại Công ty TNHH F (Việt Nam), địa chỉ: Khu chế xuất S, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7909288624. Nay, bà Q tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà Q bị trùng. Lý do bị trùng bảo hiểm: Em gái của bà Q – bà Trương Thị V (sử dụng thông tin của bà Q – Trương Thị Q) giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH C1 khoản từ tháng 06/2009 đến tháng 09/2011.

Cùng thời gian đó, bà Q giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH F (Việt Nam) đến khoảng tháng 9 năm 2009 thì bà Q nghỉ việc. Do đó, bà Q bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 06/2009 đến tháng 09/2011 tương đương với thời gian bà Văn m hồ sơ lao động của bà Q. Vào thời điểm năm 2009, bà V chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Bà Q và bà V là chị em ruột với nhau nên mới hỗ trợ bà Văn m thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì cả hai không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Vì vậy, bà Q yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị Q và Công ty TNHH C1 (thời gian làm việc từ tháng 06/2009 đến tháng 09/2011) là vô hiệu. Ngoài ra, bà Q không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu cũng như không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị V trình bày:

Bà Văn và bà Trương Thị Q là chị em ruột. Khoảng năm 2009 bà V chưa làm chứng minh nhân dân và chưa đủ tuổi để đi xin việc, do hoàn cảnh nhà nghèo, buộc phải kiếm tiền phụ giúp gia đình nên bà V đã sử dụng thông tin của bà Q để vào làm việc tại Công ty TNHH C1 và giao kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ tháng 06/2009 đến tháng 09/2011.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của bà Q, bà V đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tuyên bố Hợp đồng lao động (từ tháng 06/2009 đến tháng 09/2011) giữa bà Trương Thị Q và Công ty TNHH C1 vô hiệu. Ngoài ra, bà V không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

- Bà Mai Thị L là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH C1 trình bày:

Việc bà Văn mượn hồ sơ của bà Q để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C1 thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Hồ sơ lao động của bà Q hiện Công ty không còn lưu giữ nhưng theo dữ liệu còn lưu trữ tại công ty bà Q giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C1 từ tháng 06/2009 đến tháng 09/2011. Lỗi dẫn đến việc Công ty TNHH C1 ký kết hợp đồng với bà Q (nhưng bà V mới là người thực tế làm việc tại Công ty) là do bà Q và bà V. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu thì Công ty TNHH C1 không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày:

- Qua kiểm tra bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH C1 cho người

lao động thì thời gian làm việc tại Công ty TNHH C1 từ tháng 06/2009 đến tháng 09/2011 chưa nhận trợ cấp BHXH

- Ngoài ra Bà Trương Thị Q còn có số sổ:

+ 7409151377 từ tháng 04/2009 đến tháng 06/2009 tại Công Ty TNHH H1.

+ 7510117525 từ tháng 07/2010 đến tháng 07/2010 tại Công Ty TNHH Y.

+ 7909288624 từ tháng 08/2009 đến tháng 08/2009 tại Công Ty TNHH F1 (Việt Nam).

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Trương Thị Q, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà Trương Thị Q, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Trương Thị Q là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Trương Thị Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị V, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH C1, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 06/2009 đến tháng 09/2011, người lao động tên Trương Thị Q, sinh năm 1991, chứng minh nhân dân số 18675425 được Công ty TNHH C1 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7414061886. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH C1 và bà Q phát sinh từ tháng 06/2009 đến tháng 09/2011, dựa trên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH C1 và bà Q trong thời gian từ tháng 06/2009 đến tháng 09/2011. Tuy nhiên, bà Trương Thị Q và bà Trương Thị V thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C1 và thực tế làm việc tại Công ty TNHH C1 trong khoảng thời gian từ tháng 06/2009 đến tháng 09/2011 theo hợp đồng lao động là bà Trương Thị V chứ không phải bà Trương Thị Q do bà Văn m chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà Q để đi làm việc. Đối với bà Q trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH F (Việt Nam). Do bà V chưa đủ tuổi nên bà Q đã cho bà Văn m chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của bà Q và bà V phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 08/2009 đến tháng 08/2009 bà Trương Thị Q có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội liên tục tại Công ty TNHH F (Việt Nam). Xét, việc bà V lấy tên bà Q để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[3] Quá trình thu thập chứng cứ, Bảo hiểm xã hội thành phố D cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Trương Thị Q bị trùng từ tháng 06/2009

đến tháng 09/2011. Công ty TNHH C1 cũng thông nhất bà Trương Thị Q có làm việc tại Công ty TNHH C1 thời gian trên. Do đó, bà Q yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH C1 với bà Trương Thị Q từ tháng 06/2009 đến tháng 09/2011 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà Trương Thị Q phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trương Thị Q.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị Q với Công ty TNHH C1 thời gian làm việc từ tháng 06/2009 đến tháng 09/2011 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Trương Thị Q1 chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0003120 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP.Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Mỹ Thanh